



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001010761	Lã Chí	Đạt	22/11/2004	NH10A	Nam	01				
2	000002	1001010770	Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH10A	Nam	01				
3	000003	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	Nam	01				
4	000004	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH10A	Nam	01				
5	000005	1001010784	Trần Minh	Hiếu	06/12/2004	NH10A	Nam	01				
6	000006	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	Nam	01				
7	000007	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	Nữ	01				
8	000008	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	Nữ	01				
9	000009	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A	Nam	01				
10	000010	1001010819	Lê Phú	Lương	27/12/2004	NH10A	Nam	01				
11	000011	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	NH10A	Nam	01				
12	000012	1001010829	Nguyễn Trà	My	04/11/2004	NH10A	Nữ	01				
13	000013	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	Nam	01				
14	000014	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	Nam	01				
15	000015	1001010851	Nguyễn Ngọc	Quân	03/10/2004	NH10A	Nam	01				
16	000016	1001010869	Hoàng Thị Minh	Thu	25/09/2004	NH10A	Nam	01				
17	000017	1001010876	Vũ Huy	Tiến	08/06/2004	NH10A	Nam	01				
18	000018	1001011458	Hoàng Bảo	Trân	01/12/2003	NH10A	Nam	01				
19	000019	1001010880	Bùi Thị Thùy	Trang	13/05/2004	NH10A	Nam	01				
20	000020	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	Nam	01				
21	000021	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	Nam	01				
22	000022	1001030481	Nguyễn Thành Nam	Anh	31/12/2004	QM10A	Nam	01				HP
23	000023	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	Nam	01				
24	000024	1001030576	Vũ Quang	Huy	02/03/2004	QM10A	Nam	01				
25	000025	1001030742	Nguyễn Như	Ý	27/01/2004	QM10A	Nam	01				
26	000026	1001011236	Bùi Thị	Hương	10/10/2003	TC10A	Nữ	01				
27	000027	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	Nam	01				
28	000028	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	Nam	01				
29	000029	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	Nam	01				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Cán bộ coi thi 1

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000030	0810120557	Vũ Khánh	Đức	05/11/2002	NH8A	Nam	02				ĐK
2	000031	0901010504	Phạm Lê Huy	Hoàng	18/06/2003	NH9A	Nam	02				HP
3	000032	1001030506	Đoàn Tuấn	Cường	25/10/2004	QM10B	Nam	02				
4	000033	1001031307	Đặng Duy	Thế	10/09/2004	QM10B	Nam	02				
5	000034	0901030458	Đoàn Thị Xuân	Mai	09/11/2003	QM9B	Nữ	02				
6	000035	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	Nam	02				
7	000036	1001010794	Nguyễn Khánh	Huyền	04/11/2004	TC10B	Nữ	02				
8	000037	1001010795	Nguyễn Ngọc	Huyền	06/09/2004	TC10B	Nữ	02				
9	000038	1001010796	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/06/2004	TC10B	Nữ	02				
10	000039	1001011734	Cao Đỗ	Khôi	28/10/2003	TC10B	Nam	02				
11	000040	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	Nam	02				
12	000041	1001010215	Trần Trọng	Nghĩa	05/10/2004	TC10B	Nam	02				
13	000042	1001010840	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	TC10B	Nữ	02				
14	000043	1001010848	Trần Mai	Phương	29/12/2004	TC10B	Nữ	02				
15	000044	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	Nam	02				
16	000045	1001010867	Phạm Phương	Thảo	13/02/2004	TC10B	Nam	02				
17	000046	1001011460	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	TC10B	Nam	02				
18	000047	0901010764	Lê Thị Kiều	Trang	16/01/2003	TC10B	Nữ	02				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000048	1001021133	Trần Thị Kiều	Anh	05/08/2004	KD10D	Nữ	05				
2	000049	1001020499	Nguyễn Thị Bảo	Chi	08/09/2004	KD10D	Nữ	05				
3	000050	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	Nữ	05				
4	000051	1001020979	Nguyễn Lan	Hương	25/12/2004	KD10D	Nữ	05				
5	000052	1001021023	Nông Hoàng	Nam	18/04/2004	KD10D	Nam	05				HP
6	000053	1001020233	Nguyễn Yến	Nhi	28/11/2004	KD10D	Nữ	05				
7	000054	1001021122	Ngô Thị Kim	Oanh	13/05/2004	KD10D	Nữ	05				
8	000055	1001021439	Nguyễn Thạch	Thảo	03/07/2004	KD10D	Nam	05				
9	000056	1001020029	Lê Quỳnh	Anh	24/11/2003	KD10E	Nữ	05				
10	000057	1001020051	Nguyễn Việt	Anh	14/04/2003	KD10E	Nam	05				
11	000058	1001020095	Nguyễn Thùy	Dương	14/11/2004	KD10E	Nữ	05				
12	000059	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD10E	Nữ	05				
13	000060	1001020139	Đường Thị	Hương	08/02/2004	KD10E	Nữ	05				
14	000061	1001020151	Nguyễn Thu	Huyền	18/04/2004	KD10E	Nữ	05				
15	000062	1001021421	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/02/2004	KD10E	Nữ	05				
16	000063	1001020189	Lê Ngọc	Mai	29/06/2004	KD10E	Nữ	05				
17	000064	1001021424	Trần Ngọc	Mai	29/02/2004	KD10E	Nữ	05				
18	000065	1001020223	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	05/12/2004	KD10E	Nữ	05				
19	000066	1001021560	Nguyễn Thùy	Phương	07/08/2004	KD10E	Nữ	05				
20	000067	1001020270	Đỗ Phương	Thanh	07/10/2004	KD10E	Nữ	05				
21	000068	1001020318	Nguyễn Thu	Trang	26/06/2004	KD10E	Nam	05				
22	000069	1001021579	Vũ Thị Kiều	Trang	15/01/2004	KD10E	Nam	05				
23	000070	1001021581	Ngô Anh	Tú	24/10/2004	KD10E	Nam	05				
24	000071	1001021082	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/09/2004	KD10E	Nam	05				
25	000072	1001020335	Đình Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	Nam	05				
26	000073	1001020340	Trần Thị Hương	Xuân	09/08/2004	KD10E	Nam	05				
27	000074	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	Nam	05				HP
28	000075	1001020048	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/01/2004	KD10G	Nữ	05				
29	000076	1001020058	Chu Thị	Ánh	26/09/2004	KD10G	Nữ	05				
30	000077	1001020065	Trần Ngọc	Ánh	17/09/2004	KD10G	Nữ	05				
31	000078	1001020947	Nguyễn Thị Lệ	Chi	05/07/2004	KD10G	Nữ	05				
32	000079	1001020108	Nguyễn Việt	Hà	09/10/2004	KD10G	Nữ	05				
33	000080	1001021423	Nguyễn Thị Mai	Hương	17/02/2004	KD10G	Nữ	05				
34	000081	0810210846	Trần Thị Thu	Hiền	22/10/2002	KD8G	Nữ	05				HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000082	1001020045	Nguyễn Thị Phương	Anh	06/08/2004	KD10B	Nữ	03				
2	000083	1001020147	Đỗ Thị Thúy	Huyền	03/04/2004	KD10G	Nữ	06				
3	000084	1001020152	Phùng Khánh	Huyền	11/01/2004	KD10G	Nữ	06				
4	000085	1001020196	Trần Thị Ngọc	Mai	12/09/2004	KD10G	Nữ	06				
5	000086	1001020242	Trịnh Thị Hồng	Nhung	20/05/2004	KD10G	Nữ	06				
6	000087	1001020451	Nguyễn Thùy	Trang	29/02/2004	KD10G	Nam	06				
7	000088	0810211789	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	18/07/2002	KD8D	Nữ	06				
8	000089	1001070427	Phạm Hà Thảo	Anh	16/12/2004	KL10A	Nữ	06				
9	000090	1001070428	Trần Thùy	Anh	05/11/2004	KL10A	Nữ	06				HP
10	000091	1001070430	Nguyễn Thị Như	Bình	05/09/2004	KL10A	Nữ	06				
11	000092	1001070432	Kiều Minh	Diễm	17/11/2004	KL10A	Nữ	06				
12	000093	1001070435	Đoàn Bắc Đăng	Duy	26/12/2004	KL10A	Nam	06				
13	000094	1001071146	Nguyễn Khánh	Hoàng	08/07/2004	KL10A	Nam	06				
14	000095	1001070453	Hàn Quốc	Tuấn	21/04/2004	KL10A	Nam	06				HP
15	000096	1001070425	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/04/2004	QL10A	Nữ	06				
16	000097	1001070429	Nông Quốc	Bảo	18/01/2004	QL10A	Nam	06				HP
17	000098	1001071401	Lê Hương	Cúc	20/11/2004	QL10A	Nữ	06				
18	000099	1001070433	Nguyễn Đức	Đô	24/11/2004	QL10A	Nam	06				
19	000100	1001070436	Nguyễn Thị	Giang	19/02/2004	QL10A	Nữ	06				
20	000101	1001070439	Nguyễn Công	Hiếu	23/08/2004	QL10A	Nam	06				
21	000102	1001070441	Nguyễn Quốc	Huy	22/08/1997	QL10A	Nam	06				
22	000103	1001070443	Nguyễn Khánh	Linh	01/09/2004	QL10A	Nữ	06				HP
23	000104	1001071155	Nguyễn Hải	Long	22/06/2004	QL10A	Nam	06				
24	000105	1001071157	Bùi Thị Như	Ngọc	03/12/2004	QL10A	Nữ	06				
25	000106	1001071161	Hoàng Thị	Nhi	01/01/2004	QL10A	Nữ	06				
26	000107	1001071164	Đỗ Anh	Phương	14/10/2004	QL10A	Nữ	06				
27	000108	1001071415	Nguyễn Lan	Phương	29/09/2004	QL10A	Nữ	06				
28	000109	1001071166	Đỗ Thị	Thuỳ	10/05/2003	QL10A	Nam	06				
29	000110	1001071169	Phạm Thị Thùy	Trang	28/09/2004	QL10A	Nam	06				
30	000111	1001071171	Vũ Văn	Trường	18/12/2004	QL10A	Nam	06				HP
31	000112	1001071172	Nguyễn Duy	Tuấn	12/05/2004	QL10A	Nam	06				HP
32	000113	1001070455	Trịnh Hữu	Trường	14/02/2004	QL10A	Nam	06				HP
33	000114	0901070485	Phạm Khánh	Chi	13/10/2003	QL9A	Nữ	06				
34	000115	0901080877	Phạm Thị Tố	Nga	02/10/2003	QL9A	Nữ	06				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000116	1001021425	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/12/2004	KD10C	Nữ	04				
2	000117	1001020934	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/02/2004	KD10C	Nữ	04				
3	000118	1001020937	Nguyễn Tuấn	Anh	19/05/2004	KD10C	Nam	04				HP
4	000119	1001021405	Trịnh Ngọc	Anh	21/06/2004	KD10C	Nữ	04				
5	000120	1001020062	Phạm Hồng	Ánh	19/08/2004	KD10C	Nữ	04				
6	000121	1001020946	Lê Thảo	Chi	15/02/2004	KD10C	Nữ	04				
7	000122	1001020085	Lê Thị Thùy	Dung	05/12/2004	KD10C	Nữ	04				
8	000123	1001020093	Nguyễn Thị Thùy	Dương	30/05/2004	KD10C	Nữ	04				
9	000124	1001020112	Bùi Thanh	Hằng	19/12/2004	KD10C	Nữ	04				
10	000125	1001020968	Đỗ Thị Thu	Hiền	22/01/2004	KD10C	Nữ	04				
11	000126	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	Nam	04				HP
12	000127	1001020133	Đường Huy	Hoàng	10/01/2004	KD10C	Nam	04				
13	000128	1001020141	Ngô Thu	Hương	12/03/2003	KD10C	Nữ	04				
14	000129	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD10C	Nam	04				HP
15	000130	1001020442	Nguyễn Thị Minh	Huyền	02/12/2004	KD10C	Nữ	04				
16	000131	1001020154	Nguyễn Minh	Khương	06/10/2003	KD10C	Nam	04				
17	000132	1001020160	Phan Thị Phương	Lan	27/06/2004	KD10C	Nữ	04				HP
18	000133	1001021442	Đoàn Khánh	Linh	15/01/2004	KD10C	Nữ	04				
19	000134	1001020168	Lê Thị Ngọc	Linh	10/11/2004	KD10C	Nữ	04				
20	000135	1001021014	Trần Khánh	Ly	09/10/2004	KD10C	Nữ	04				
21	000136	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	Nữ	04				
22	000137	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	Nữ	04				
23	000138	1001020227	Đào Yến	Nhi	18/11/2004	KD10C	Nữ	04				
24	000139	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	Nữ	04				HP
25	000140	1001021559	Vương Minh	Phú	18/10/2004	KD10C	Nam	04				
26	000141	1001020846	Nguyễn Quỳnh	Phương	11/07/2004	KD10C	Nữ	04				
27	000142	1001021050	Lại Thị Như	Quỳnh	25/01/2004	KD10C	Nữ	04				
28	000143	0810211753	Lý Thị Thanh	Tâm	06/08/2002	KD10C	Nữ	04				
29	000144	1001021061	Phạm Phương	Thảo	26/08/2004	KD10C	Nam	04				
30	000145	1001020371	Nguyễn Thị Ngọc	Thom	01/07/2004	KD10C	Nam	04				
31	000146	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C	Nam	04				
32	000147	1001021072	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/10/2003	KD10C	Nam	04				

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
33	000148	1001021318	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/11/2004	KD10C	Nam	04				HP
34	000149	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	Nam	04				
35	000150	0810210930	Nguyễn Đỗ Hải	Hà	01/05/2002	KD8C	Nữ	04				HP
36	000151	0810211016	Bùi Thị Khánh	Thùy	09/10/2001	KD8C	Nữ	04				
37	000152	0901080612	Dương Thị Thúy	Hiền	28/10/2003	TM9A	Nữ	04				
38	000153	0901080810	Nguyễn Phương	Thảo	30/06/2003	TM9A	Nữ	04				HP
39	000154	0901030621	Nguyễn Xuân	Thu	23/03/2003	TM9A	Nữ	04				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000155	1001040910	Hoàng Vũ	Dương	09/08/2004	CT10A	Nam	03				
2	000156	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	Nam	03				
3	000157	1001031637	Lê Thu	Hoài	30/12/2004	CT10A	Nữ	03				
4	000158	1001040011	Phạm Thị Kim	Huệ	19/05/2004	CT10A	Nữ	03				
5	000159	1001030586	Phạm Ngọc	Huyền	23/01/2004	CT10A	Nữ	03				
6	000160	1001041434	Lê Ngọc	Khang	02/02/2004	CT10A	Nam	03				HP
7	000161	1001040013	Nguyễn Thị Khánh	Ly	25/08/2004	CT10A	Nữ	03				
8	000162	1001041503	Chữ Thị Quỳnh	Mai	11/11/2004	CT10A	Nữ	03				
9	000163	1001040918	Đào Duy	Nam	15/03/2004	CT10A	Nam	03				
10	000164	1001040015	Trần Quốc	Thắng	22/11/2004	CT10A	Nam	03				
11	000165	1001041432	Nguyễn Thùy	Trang	15/06/2003	CT10A	Nam	03				
12	000166	1001060347	Đỗ Thị Phương	Anh	21/08/2004	KA10A	Nữ	03				
13	000167	1001060361	Phạm Thu	Hương	18/08/2004	KA10A	Nữ	03				
14	000168	1001060366	Trần Khánh	Huyền	23/11/2004	KA10A	Nữ	03				
15	000169	1001061025	Phạm Thị Phương	Nga	13/02/2004	KA10A	Nữ	03				
16	000170	1001060374	Nguyễn Trung	Tiến	18/08/2004	KA10A	Nam	03				
17	000171	1001020067	Trần Thị Ngọc	Ánh	07/12/2003	KD10A	Nữ	03				
18	000172	1001020179	Trần Như	Linh	20/12/2004	KD10A	Nữ	03				HP
19	000173	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	Nữ	03				HP
20	000174	1001020212	Trần Ánh	Ngân	12/08/2004	KD10A	Nữ	03				
21	000175	1001021036	Ngô Thị Yến	Nhi	11/12/2004	KD10A	Nữ	03				
22	000176	1001021580	Phạm Thị	Trình	06/12/2004	KD10A	Nam	03				HP
23	000177	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	Nữ	03				HP
24	000178	1001020055	Trần Thị Vân	Anh	01/11/2004	KD10B	Nữ	03				
25	000179	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	Nữ	03				
26	000180	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	Nam	03				
27	000181	1001020174	Nguyễn Nhật	Linh	08/12/2003	KD10B	Nữ	03				
28	000182	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B	Nam	03				
29	000183	1001020239	Lê Hồng	Nhung	04/02/2004	KD10B	Nữ	03				
30	000184	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	Nữ	03				
31	000185	1001021051	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	KD10B	Nữ	03				
32	000186	1001020315	Nguyễn Thị Kiều	Trang	24/07/2004	KD10B	Nam	03				

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
33	000187	1001020034	Ngô Ngọc	Anh	05/12/2004	KD10C	Nữ	03				
34	000188	1001020041	Nguyễn Phương	Anh	24/07/2004	KD10C	Nữ	03				
35	000189	0901080848	Vũ Thị Trang	Nhung	12/02/2003	TM9A	Nữ	03				

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2